SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK **TTYT BUÔN ĐÔN** Số: 457 /QĐ - TTYT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Ea Wer, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua thuốc Generic không trúng thầu, đấu thầu lại lần 3 năm 2026 thuộc dự toán: Mua sắm thuốc phục vụ khám, chữa bệnh năm 2026 - 2027 của Trung tâm y tế Buôn Đôn.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ BUÔN ĐÔN

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Biên bản họp số 17/HĐT&ĐT ngày 13/11/2026 của Hội đồng thuốc và điều trị TTYT Buôn Đôn;

Theo đề nghị của khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế tại tờ trình số 25/TTr-KDVTTBYT ngày 17/11/2026 Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc Generic không trúng thầu, đấu thầu lại lần 3 năm 2026 thuộc dự toán mua sắm thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 - 2027 của Trung tâm Y tế Buôn Đôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua thuốc Generic không trúng thầu, đấu thầu lại lần 3 năm 2026 thuộc dự toán: Mua sắm thuốc phục vụ khám, chữa bệnh năm 2026 – 2027 của Trung tâm y tế Buôn Đôn với nội dung chi tiết theo phụ lục 1, 2 kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban giám đốc để c/đ;
- Các khoa/phòng TTYT
- Lưu VT, Khoa DVTTBYT(L).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ BUÔN ĐÔN

Đoàn Quốc Đỉnh

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN: MUA SẮM THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH NĂM 2026 – 2027 CỦA TRUNG TÂM Y TẾ BUÔN ĐÔN

(Kèm theo Quyết định số 457 /QĐ – TTYT ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm y tế Buôn Đôn)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm y tế Buôn Đôn	Mua thuốc Generic không trúng thầu, đấu thầu lại lần 3	Gói Mua thuốc Generic không trúng thầu, đấu thầu lại lần 3 gồm: 25 mặt hàng, mỗi mặt hàng là 01 phần của gói thầu	**288.916.960**	Nguồn quỹ BHYT, thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh năm 2026, 2027.	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	20 ngày	Quý IV/2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
Tổng giá trị gói thầu: 288.916.960 đồng				*Hai trăm tám mươi tám triệu, chín trăm mười sáu ngàn chín trăm sáu mươi đồng.*								

DANH MỤC MUA THUỐC GENERIC KHÔNG TRÚNG THẦU, ĐẤU THẦU LẠI LẦN 3 NĂM 2026 CỦA TRUNG TÂM Y TẾ BUÔN ĐÔN

(Kèm theo Quyết định số 457 QĐ – TTYT ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm y tế Buôn Đôn)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Tổng giá trị
1	Albendazol	N4	400mg	Uống	Viên	Viên	100	2.400	240.000
2	Cefotaxim	N1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	6.800	15.500	105.400.000
3	Dequalinium clorid	N4	10mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	300	12.000	3.600.000
4	Econazol	N4	150mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	500	11.800	5.900.000
5	Dihydro ergotamin mesylat	N4	3mg	Uống	Viên	Viên	2.000	2.400	4.800.000
6	Trimetazidin	N3	20mg	Uống	Viên	Viên	12.000	600	7.200.000
7	Felodipin	N2	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	30.000	1.500	45.000.000
8	Đồng sulfat	N4	0,1g/50g; 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	2.000	30.000	60.000.000
9	Prednisolon	N4	5mg	uống	Viên	Viên	20.000	140	2.800.000
10	Isoniazid	N4	150mg	Uống	Viên	Viên	600	300	180.000
11	Isoniazid	N4	300mg	Uống	Viên	Viên	1.200	650	780.000
12	Rifampicin	N3	150mg	Uống	Viên nang	Viên	600	2.250	1.350.000
13	Streptomycin	N4	1g	tiêm	Thuốc tiêm	lọ	120	4.298	515.760
14	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat); Natri clorid; Tri natricitrat khan (dưới	N4	20g+ 3,5g+ 2,545g + 1,5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	4.000	2.400	9.600.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Tổng giá trị
	dạng Tri natricitrat dihydrat); Kali clorid								
15	Acetylsalicylic acid	N2	81mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Viên	10.000	382	3.820.000
16	Kali Clorid	N4	500mg	Uống	Viên	Viên	12.000	800	9.600.000
17	Aciclovir	N4	3% (w/w)-5g	tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Tube/ lọ	10	49.350	493.500
18	Natri clorid	N4	0,9%	Nhỏ Mắt	dung dịch	Lọ	1.000	5.000	5.000.000
19	Nystatin + neomycin + polymyxin B	N4	100.000IU+35.000IU + 35.000IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm	Viên	2.000	5.250	10.500.000
20	Methyldopa	N4	500mg	Uống	Viên	Viên	2.000	1.980	3.960.000
21	Propofol	N2	10mg/ml, 20ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Nhũ tương tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Lọ	20	23.500	470.000
22	Rocuronium bromid	N2	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	12	64.050	768.600
23	Atropin	N4	0,25mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500	790	395.000
24	Urea	N4	4g/20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	100	53.991	5.399.100
25	Clorpromazin hydroclorid	N4	25mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	100	2.100	210.000
26	Erythromycin	N4	40mg/g x 10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	100	9.350	935.000
	Tổng: 25 khoản								**288.916.960**